TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/DSST
Ngày: 15/6/2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Minh Tuyết và ông Huỳnh Khắc Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Nguyệt - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 191/2020/TLST - DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) V; địa chỉ trụ sở: 35 đường H, quận K, thành phố Hà Nội. *Người đại diện theo văn bản ủy quyền số 1002/QĐ-BIDV.PY ngày 09/6/2021 của Giám đốc Ngân hàng TMCP V - chi nhánh P có ông Nguyễn Hải P - Nhân viên Phòng giao dịch P - Ngân hàng TMCP V - chi nhánh P.* Có mặt.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1975 và bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1982;
Địa chỉ: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày được tóm tắt như sau:*

Ngày 22/01/2016, giữa Ngân hàng TMCP V với vợ chồng ông Nguyễn

Văn C và bà Trần Thị Thu T ký kết Hợp đồng tín dụng số 02/2016/7717957/HĐTD, theo đó Ngân hàng cho vợ chồng ông C và bà T vay số tiền 18.223.000.000đ, thời hạn vay 192 tháng, mục đích vay: đầu tư đóng mới tàu cá theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ, lãi suất cho vay trong hạn: trong năm đầu tiên tính từ ngày ký hợp đồng tín dụng là 7%/năm *(bao gồm cả khoản lãi được ngân sách nhà nước cấp bù nếu bên vay đủ điều kiện; nếu bên vay đủ điều kiện cấp bù lãi suất theo khoản 1 Điều 4 của Hợp đồng thì bên vay trả mức lãi suất theo khoản 4 Điều 4 của Hợp đồng; trường hợp bên vay không đáp ứng đủ điều kiện được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất thì bên vay phải trả toàn bộ lãi suất cho vay, lãi suất nợ quá hạn theo khoản 2, 3 Điều 4 của Hợp đồng*), lãi suất nợ quá hạn bằng 130%/lãi suất cho vay trong hạn, lịch trả nợ gốc thời gian ân hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, nợ gốc trả 3 tháng/lần số tiền 303.700.000đ, được miễn lãi năm đầu tiên, từ năm thứ 2 nợ lãi trả định kỳ 3 tháng/lần theo cùng kỳ trả nợ gốc, bên vay có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ gốc của khoản vay vào ngày đáo hạn của hợp đồng.

Tiếp đến ngày 16/3/2017, giữa Ngân hàng với vợ chồng ông C và bà T ký kết Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số hợp đồng: 01/2017/7717957/SĐBS sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Hợp đồng tín dụng số 02/2016/7717957/HĐTD ngày 22/01/2016.

Để đảm bảo khoản vay, Ngân hàng với vợ chồng ông C và bà T đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2016/7717957/HĐBĐ ngày 21/9/2016 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 02.01/2016/7717957/HĐBĐ ngày 31/10/2016, theo đó vợ chồng ông C và bà T thế chấp tài sản là tàu cá *(bao gồm toàn bộ trang thiết bị trên tàu được mô tả cụ thể tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 02.01/2016/7717957/HĐBĐ ngày 31/10/2016)*, số đăng ký PY-99998-TS theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 107/2016 do Chi cục Thủy sản tỉnh Phú Yên cấp ngày 30/8/2016 cho ông Nguyễn Văn C.

Quá trình thanh toán đến ngày 25/9/2019, vợ chồng ông C và bà T trả không đầy đủ nợ gốc, lãi theo thỏa thuận nên kể từ thời điểm đó Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn. Sau khi hai bên đối chiếu lại chứng từ, hóa đơn trả nợ *(Có bảng sao kê tài khoản vay kèm theo*) thì tính đến ngày 15/6/2021, vợ chồng ông C và bà T còn nợ gốc 15.022.000.000đ *(trong đó nợ gốc quá hạn là 1.658.200.000đ)*, nợ lãi trong hạn là 239.517.444đ, nợ quá hạn là 7.931.723đ, tổng cộng 15.269.449.167đ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông C và bà T trả hết số tiền nợ trên và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết giữa các bên để thu hồi nợ.

**** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Thu T trình bày được tóm tắt như sau:***

Vợ chồng ông C và bà T thống nhất hoàn toàn nội dung trình bày nêu trên

của Ngân hàng TMCP V về việc hai bên ký kết Hợp đồng tín dụng, Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng; ký kết hợp đồng thế chấp tài sản, cũng như số tiền nợ vay và tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản nợ vay.

Quá trình thanh toán đến ngày 25/9/2019 vợ chồng ông C và bà T không tiếp tục trả nợ theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Sau khi xem *bảng sao kê tài khoản vay* do Ngân hàng cung cấp, hai bên đối chiếu lại tất cả chứng từ vay, hóa đơn trả nợ thì tính đến ngày 15/6/2021, vợ chồng ông C và bà T thừa nhận còn nợ Ngân hàng gốc 15.022.000.000đ *(trong đó nợ gốc quá hạn là 1.658.200.000đ)*, nợ lãi trong hạn là 239.517.444đ, nợ quá hạn là 7.931.723đ, tổng cộng 15.269.449.167đ. Do hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng ông C và bà T không thể trả hết số nợ một lần, xin gia hạn trả hết nợ gốc quá hạn và sau đó sẽ tiếp tục trả nợ theo định kỳ mà các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng. Trường hợp không trả được nợ theo yêu cầu của Ngân hàng thì chấp nhận trả gốc và lãi phạt theo Nghị định 67/CP của Chính phủ cho đến hết thời hạn của Hợp đồng đã ký kết. Vợ chồng ông C, bà T không đồng ý Ngân hàng phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ vì đó là phương tiện đánh bắt hải sản tạo ra nguồn thu nhập để trả nợ cho Ngân hàng.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng;

+ Về nội dung vụ án: căn cứ các điều 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân với cá nhân *(*pháp nhân cho ***cá nhân phục vụ hoạt động khai thác thủy hải sản*** vay theo Nghị định 67/2014/NDĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ nhằm thực hiện chính sách an sinh xã hội) không có mục đích kinh doanh, là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa giải quyết vụ án nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số 02/2016/7717957/HĐTD ngày 22/01/2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số hợp đồng: 01/2017/7717957/SĐBS ngày 16/3/2017 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Hợp đồng tín dụng số 02/2016/7717957/HĐTD

ngày 22/01/2016, được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Thu T có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, là hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực thi hành.

[2.2] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 02/2016/7717957/HĐTD ngày 22/01/2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số hợp đồng: 01/2017/7717957/SĐBS ngày 16/3/2017 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Hợp đồng tín dụng số 02/2016/7717957/HĐTD ngày 22/01/2016 cùng các tài liệu, chứng cứ khác, đủ cơ sở xác định: vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Thu T có vay của Ngân hàng TMCP V số tiền là 18.223.000.000đ, mục đích vay: đầu tư đóng mới tàu cá theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ, thời hạn vay 192 tháng, lãi suất cho vay trong hạn: trong năm đầu tiên tính từ ngày ký hợp đồng tín dụng là 7%/năm *(bao gồm cả khoản lãi được ngân sách nhà nước cấp bù nếu bên vay đủ điều kiện; nếu bên vay đủ điều kiện cấp bù lãi suất theo khoản 1 Điều 4 của Hợp đồng thì bên vay trả mức lãi suất theo khoản 4 Điều 4 của Hợp đồng; trường hợp bên vay không đáp ứng đủ điều kiện được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất thì bên vay phải trả toàn bộ lãi suất cho vay, lãi suất nợ quá hạn theo khoản 2, 3 Điều 4 của Hợp đồng*), lãi suất nợ quá hạn bằng 130%/lãi suất cho vay trong hạn, lịch trả nợ gốc thời gian ân hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, nợ gốc trả 3 tháng/lần số tiền 303.700.000đ, được miễn lãi năm đầu tiên, từ năm thứ 2 nợ lãi trả định kỳ 3 tháng/lần theo cùng kỳ trả nợ gốc, bên vay có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ gốc của khoản vay vào ngày đáo hạn của hợp đồng.

[2.3] Quá trình thanh toán đến ngày 25/9/2019 vợ chồng ông C và bà T trả không đầy đủ nợ gốc, lãi theo thỏa thuận là vi phạm Hợp đồng tín dụng và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng. Các bên đã đối chiếu chứng từ, hóa đơn vay trả nợ và cùng xác nhận tính đến ngày 15/6/2021, vợ chồng ông C và bà T còn nợ gốc 15.022.000.000đ *(trong đó nợ gốc quá hạn là 1.658.200.000đ)*, nợ lãi trong hạn là 239.517.444đ, nợ quá hạn là 7.931.723đ, tổng cộng 15.269.449.167đ; nên Ngân hàng có quyền khởi kiện thu hồi nợ trước thời hạn theo quy định tại mục 14 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số 02/2016/7717957/HĐTD ngày 22/01/2016. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông C và bà T phải trả cho nguyên đơn số tiền 15.269.449.167đ.

[2.4] Kể từ ngày 16/6/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc, vợ chồng ông C và bà T còn phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số 02/2016/7717957/HĐTD ngày 22/01/2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số hợp đồng: 01/2017/7717957/SĐBS ngày 16/3/2017 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Hợp đồng tín dụng số 02/2016/7717957/HĐTD ngày 22/01/2016 được ký kết giữa các bên**.**

[2.5] Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2016/7717957/HĐBĐ ngày 21/9/2016 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 02.01/2016/7717957/HĐBĐ ngày 31/10/2016 là biện pháp bảo đảm bằng tài sản của vợ chồng ông C và bà T để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của bên vay trước Ngân hàng TMCP V. Do đó, trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay thì Ngân hàng được

quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ đối với tàu cá *(bao gồm toàn bộ trang thiết bị trên tàu được mô tả cụ thể tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 02.01/2016/7717957/HĐBĐ ngày 31/10/2016)*, số đăng ký PY-99998-TS theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 107/2016 do Chi cục Thủy sản tỉnh Phú Yên cấp ngày 30/8/2016 cho ông Nguyễn Văn C.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chổ: Bị đơn phải chịu số tiền 1.000.000đ. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 1.000.000đ nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 1.000.000đ.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; các điều 342, 351, 355, 471, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Thu T phải trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP V tính đến ngày 15/6/2021 tổng cộng số tiền là 15.269.449.167đ *(Mười lăm tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng)*, trong đó nợ gốc 15.022.000.000đ *(Mười lăm tỷ không trăm hai mươi hai triệu đồng)*, nợ lãi trong hạn là 239.517.444đ *(Hai trăm ba mươi chín triệu năm trăm mười bảy nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng*), nợ quá hạn là 7.931.723đ *(Bảy triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn bảy trăm hai mươi ba đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 16/6/2021) cho đến khi trả xong nợ gốc, vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Thu T còn phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số 02/2016/7717957/HĐTD ngày 22/01/2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số hợp đồng: 01/2017/7717957/SĐBS ngày 16/3/2017 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Hợp đồng tín dụng số 02/2016/7717957/HĐTD ngày 22/01/2016 đã ký kết giữa các bên.

Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Thu T không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là tàu cá *(bao gồm toàn bộ trang thiết bị trên tàu được mô tả cụ thể tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 02.01/2016/7717957/HĐBĐ ngày 31/10/2016)*, số đăng ký PY-99998-TS theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 107/2016 do Chi cục Thủy sản tỉnh Phú Yên cấp ngày 30/8/2016 cho ông Nguyễn Văn C, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2016/7717957/HĐBĐ ngày 21/9/2016 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 02.01/2016/7717957/HĐBĐ ngày 31/10/2016 để thu hồi nợ.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Thu T phải chịu 1.000.000đ *(Một triệu đồng).* Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đã nộp tạm ứng số tiền 1.000.000đ *(Một triệu đồng)* nên bị đơn vợ chồng ông C và bà T có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng số tiền 1.000.000đ *(Một triệu đồng).*

- Về án phí: Căn cứ khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Thu T phải nộp 123.269.449đ *(Một trăm hai mươi ba triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 61.675.000đ *(Sáu mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000769 ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND Phú Yên;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Thu

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Khắc Hiếu **Huỳnh Thị Minh Tuyết** **Lê Xuân Thu**

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Thu

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA